

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 04/4/2024  
V/v: Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Đoàn
2. Bà Phạm Thị Huế

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị K, sinh năm 1990

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn B, sinh năm 1983

Đều cùng địa chỉ: Thôn Anh D, xã L, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa có mặt chị K, anh B)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày: Chị và anh Bùi Văn B kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 03/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi

nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Bùi Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 15/02/2010 và Bùi Văn D, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn, chị xin nuôi con Bùi Văn D để anh B nuôi con Bùi Thị T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn B là bị đơn trình bày: Anh và chị Bùi Thị K kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 03/3/2009. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại động viên, hoà giải nhưng chị K vẫn kiên quyết xin ly hôn. Từ tháng 8/2023 chị K đi khỏi gia đình nhà chồng mà không được sự đồng ý của anh. Nay chị K xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con được ở cùng với cả bố và mẹ.

**Về con chung:** Anh và chị K có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 15/02/2010 và Bùi Văn D, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn, anh xin nuôi con Bùi Thị T để chị K nuôi con Bùi Văn D. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

**Về tài sản:** Anh và chị K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Bùi Thị K, bị đơn anh Bùi Văn B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K: Xử cho chị K được ly hôn anh Bùi Văn B. Về con chung: Đề nghị xử giao con Bùi Văn D, sinh ngày 08/10/2015 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Bùi Thị T, sinh ngày 15/02/2010 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Về tài sản chung, chị K và anh B đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị K và anh B. Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn B có nơi thường trú tại xã L, huyện Đông

Hung, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị K kết hôn với anh B do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 03/3/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị K xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện ĐH, tỉnh TB thì quá trình chung sống chị K và anh B có mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị K xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị K và anh B sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K xử cho chị K được ly hôn anh B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh B có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 15/02/2010 và Bùi Văn D, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn, chị K và anh B thống nhất thoả thuận chị K được trực tiếp nuôi con Bùi Văn D, anh B được trực tiếp nuôi con Bùi Thị T. Xét thấy, con Bùi Văn D có nguyện vọng được ở cùng bố mẹ, con Bùi Thị T có nguyện vọng được ở cùng với bố. Vì vậy, cần giao con Bùi Văn D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Bùi Thị T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị K, anh B không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau là do tự nguyện nên cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị K, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị K và anh B.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị K, anh B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Bùi Văn B.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung Bùi Văn D, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Bùi Thị K trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Bùi Thị T, sinh ngày 15/02/2010 cho anh Bùi Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí:** Chị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003115 ngày 05/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị K, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã L;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Đã ký***

**Phạm Thị Lan Phương**